TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2017
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Bà Trần Thanh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện T, tỉnh G; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện T, tỉnh G; Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T và chị V tổ chức lễ cưới vào ngày 28/4/2012, đến ngày 02/5/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh G (Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 02/5/2012). Trong ngày đi đăng ký kết hôn, chị V bỏ đi đâu đến nay không rõ. Anh T có yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú để giải quyết hôn nhân nhưng chị V vẫn không về. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị V; anh T và chị V không có con chung, không tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết và anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng khi ly hôn.

Bị đơn chị Trần Thị V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến**: Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn chị Trần Thị V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V là đúng quy định. Chị V đã bỏ đi từ năm 2012 đến nay không rõ nguyên nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T và chị V có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh G nên pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng; anh T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để xem xét nguyện vọng của các bên, tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng chị V đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà chị V vẫn vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị V.

[2] Anh T yêu cầu ly hôn với chị V, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật vụ án giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V là tranh chấp về việc *"Ly hôn"*.

[3] Anh T và chị V đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi tổ chức lễ cưới được khoảng 05 ngày, anh chị đi đăng ký kết hôn, nhưng trong ngày đăng ký kết hôn chị V bỏ đi không rõ nguyên nhân. Anh T đã tìm kiếm nhưng không biết chị V đi đâu, làm gì. Anh T có yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với chị V để về giải quyết hôn nhân giữa anh chị, ngày 12/9/2016 Tòa án đã thông báo tìm kiếm chị V nhưng đến nay chị V vẫn không về.

Xét thấy, chị V đã bỏ anh T đi từ năm 2012 đến nay, anh chị đã không sống chung trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh T yêu cầu ly hôn là chính đáng; Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị cho anh T được ly hôn với chị V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T được ly hôn với chi V.

Anh T khai giữa anh và chị V không có con chung, không tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xét.

Án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị V.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004247 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận